



TẠP CHÍ KHOA HỌC
PHÁT TRIỂN
NHÂN LỰC

SCIENTIFIC JOURNAL OF
HUMAN RESOURCE
DEVELOPMENT

HOCHIMINH CITY CADRE ACADEMY

03⁽²¹⁾

2025

TÂM NHÌN

Học viện là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng lãnh đạo cao cấp của Thành phố Hồ Chí Minh góp phần kiến tạo phát triển đất nước và là trường chính trị đạt chuẩn quốc gia.

SỨ MẠNG

Học viện là đơn vị nòng cốt tham gia Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ lực tham gia nghiên cứu khoa học, cung cấp cơ sở lý luận, tổng kết thực tiễn, đề xuất về định hướng, chiến lược, chính sách phát triển và là nơi cung cấp những nhà lãnh đạo quản lý ưu tú cho Thành phố Hồ Chí Minh.



Tổng biên tập

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Hội đồng biên tập

PGS.TS. Nguyễn Tấn Phát
(Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Văn Y
(Phó Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc
PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn
PGS.TS. Vũ Tình

PGS.TS. Vũ Thanh Sơn

PGS.TS. Trương Thị Hiền

PGS.TS. Trần Hoàng Ngân

TS. Bùi Thị Ngọc Trang

TS. Bùi Ngọc Hiến

TS. Phan Hải Hồ

TS. Trần Thị Hà Văn

TS. Lê Thị Hồng Hà

TS. Phạm Ngọc Lợi

TS. Trần Tuấn Duy

TS. Lê Thị Trúc Anh

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Giấy phép xuất bản

SỐ 551/GP-BTTTT do

Bộ Thông tin và Truyền thông
cấp ngày 26/11/2020, khổ 19 x 27cm

In tại Công ty TNHH Thiết Kế In Ấn

Phạm Hiến (57 Đường 35,
P. Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức)

Giá: 150.000đ

MỤC LỤC

ThS. Phạm Thị Vân Phản bác các luận điệu xuyên tạc đường lối ngoại giao Việt Nam trên cơ sở triết lý ngoại giao “cây tre Việt Nam”5

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang, ThS. Cao Văn Thống, TS. Phạm Thị Như Thúy, ThS. Trịnh Thanh Toàn, ThS. Nguyễn Thị Lê
Nhận thức, thái độ của công chúng về Không gian văn hóa Hồ Chí Minh tại Thành phố Hồ Chí Minh 19

TS. Võ Thanh Tuyền Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chuyển đổi số trong quản lý vận hành nhà chung cư tại Thành phố Hồ Chí Minh: tiếp cận theo mô hình UTAUT và TOE34

TS. Nguyễn Thị Toàn Thắng
Phát triển nguồn nhân lực sáng tạo ở Việt Nam trong bối cảnh kinh tế tri thức56

ThS. Cao Đỗ Quyền, PGS.TS. Võ Thị Ngọc Thúy
Tác động của các yếu tố đến quyết định lựa chọn điểm đến Cù lao Tân Triều67

TS. Lê Thị Kim Huệ Vận dụng tư tưởng giáo dục của Ph.Ăngghen đối với giáo dục Việt Nam hiện nay79

TS. Nguyễn Thị Duyên
Thực trạng sinh kế của hộ gia đình dân tộc thiểu số trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Thanh Hóa94

ThS. Nguyễn Thị Minh Châu
Việc làm và tiền lương của người lao động tỉnh Đồng Nai nhìn từ Khung Chương trình Quốc gia về Việc làm thỏa đáng 106

Đặng Thị Cẩm Vân, TS. Nguyễn Minh Nhựt
Nhận thức của cộng đồng dân cư thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An (cũ) về quản lý chất thải rắn sinh hoạt 116

ThS. Nguyễn Tấn Dân
Tác động thời tiết và môi trường ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân huyện Cần Giuộc (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh 129

TÁC ĐỘNG THỜI TIẾT VÀ MÔI TRƯỜNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC THỦY SẢN CỦA NGƯ DÂN HUYỆN CẦN GIỜ (CŨ), THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngày nhận bài: 19/3/2025; ngày nhận lại bài: 11/8/2025; ngày duyệt đăng: 20/8/2025

NGUYỄN TẤN DÂN^(*)

TÓM TẮT

Bài viết tập trung phân tích tác động của yếu tố thời tiết và môi trường đến hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân tại huyện Cần Giờ (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Bài viết sử dụng phương pháp điều tra xã hội học thông qua bảng hỏi đối với 200 hộ gia đình đang tham gia khai thác, đánh bắt thủy sản tại hai xã Thạnh An, Long Hòa và thị trấn Cần Thạnh. Đồng thời, 20 hộ gia đình có kinh nghiệm lâu năm được phỏng vấn sâu để thu thập thông tin chuyên sâu về mùa vụ, kỹ thuật và thay đổi trong quá trình đánh bắt. Ngoài dữ liệu sơ cấp, bài viết còn khai thác số liệu thứ cấp từ các báo cáo kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ (giai đoạn 2022-2024), số liệu từ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cùng với các tài liệu chuyên ngành. Nghiên cứu cũng tiến hành quan sát thực địa nhằm kiểm chứng thông tin thu thập được. Kết quả cho thấy, sự sụt giảm các loài thủy sản và suy thoái sự đa dạng sinh học vùng biển huyện Cần Giờ do thời tiết thay đổi thất thường và môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng, nhưng đặc biệt nghiêm trọng hơn là việc khai thác thủy sản quá mức với các loại ngư cụ hủy diệt làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản ở vùng này. Bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng ngư dân và hướng tới phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản địa phương.

Từ khóa: thực trạng khai thác thủy sản, ảnh hưởng của thời tiết và môi trường, điểm mạnh/điểm yếu, cơ hội/thách thức, huyện Cần Giờ (cũ).

ABSTRACT

This study analyzes the impacts of weather and environmental factors on the fishing activities of fishers in the former Can Gio District, Ho Chi Minh City. A sociological survey was conducted using structured questionnaires with 200 fishing households across Thanh An Commune, Long Hoa Commune, and Can Thanh Town. In addition, 20 experienced fishing households participated in in-depth interviews to provide detailed insights into fishing seasons, techniques, and observed changes over time.

Beyond primary data, the study utilized secondary sources, including socio-economic reports of Can Gio District (2022-2024), data from the District's Department of Agriculture

^(*) Thạc sĩ, Viện Khoa học xã hội Vùng Nam Bộ

and Rural Development, and relevant specialized literature. Field observations were also carried out to verify and supplement the collected data.

The findings indicate a decline in marine species and degradation of biodiversity in Can Gio's coastal waters, driven by erratic weather patterns, severe environmental pollution, and, most critically, overfishing using destructive fishing gear that has depleted local fishery resources. The paper proposes several measures to strengthen the adaptive capacity of fishing communities and promote the sustainable development of the local capture fishery sector.

Keywords: *current status of capture fisheries; impacts of weather and environmental factors; strengths and weaknesses; opportunities and challenges; former Can Gio District.*

1. Đặt vấn đề

Ngành khai thác thủy sản đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của nhiều địa phương ven biển Việt Nam, không chỉ góp phần đảm bảo an ninh lương thực, tạo việc làm và thu nhập cho ngư dân, mà còn gắn liền với văn hóa, tập quán sinh hoạt của cộng đồng cư dân vùng biển. Tuy nhiên, hoạt động khai thác thủy sản chịu tác động mạnh mẽ từ các yếu tố thời tiết và môi trường, vốn có sự biến động khó lường trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường biển và hiện tượng thời tiết cực đoan gia tăng cả về tần suất lẫn cường độ.

Huyện Cần Giờ có vị trí đặc thù với hệ sinh thái rừng ngập mặn được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới. Đây là địa bàn có tiềm năng lớn về nguồn lợi thủy sản, đồng thời cũng là nơi sinh kế của một bộ phận đáng kể cư dân dựa vào nghề khai thác biển và vùng cửa sông. Tuy nhiên, những năm gần đây, ngư dân Cần Giờ đang phải đối mặt với nhiều khó khăn: thay đổi mùa vụ khai thác, giảm trữ lượng hải sản, ảnh hưởng đến an toàn lao động và chi phí sản xuất, mà nguyên nhân phần lớn xuất phát từ sự biến động bất thường của thời tiết và môi trường.

Thực tế cho thấy, sự kết hợp giữa các yếu tố như gió mùa, bão, triều cường, nhiệt độ, độ mặn, ô nhiễm nguồn nước và biến đổi dòng chảy không chỉ ảnh hưởng đến sản lượng khai thác mà còn quyết định thời điểm, phương thức và địa điểm ra khơi của ngư dân. Việc hiểu rõ mức độ và cơ chế tác động của thời tiết, môi trường đến hoạt động khai thác thủy sản sẽ giúp đề xuất các giải pháp thích ứng hiệu quả, đảm bảo sinh kế bền vững, giảm thiểu rủi ro và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên biển.

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu “Tác động thời tiết và môi trường ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân huyện Cần Giờ (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh” được thực hiện nhằm phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố thời tiết - môi trường và hiệu quả khai thác, từ đó đề xuất các khuyến nghị phù hợp phục vụ quản lý và hỗ trợ

cộng đồng ngư dân địa phương.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết dựa vào nguồn dữ liệu điều tra bằng bảng hỏi để thu thập thông tin của 200 hộ gia đình có khai thác, đánh bắt thủy sản. Tác giả chọn tại hai xã và một thị trấn (xã Thạnh An, Long Hòa và thị trấn Cần Thạnh) của huyện Cần Giờ (cũ), phỏng vấn sâu 20 hộ gia đình trong tổng số hộ khảo sát. Đây là những địa phương có kinh nghiệm đánh bắt lâu năm, am hiểu về mùa vụ đánh bắt. Mẫu được chọn theo phương pháp có mục đích trên cơ sở danh sách các hộ đang khai thác đánh bắt tại địa phương. Bên cạnh đó bài viết còn sử dụng nguồn số liệu thứ cấp như báo cáo kinh tế - xã hội của huyện Cần Giờ từ năm 2022-2024, số liệu từ phòng Nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Cần Giờ, và các tài liệu liên quan như tạp chí, sách báo; tổng hợp đánh giá các nhận định liên quan. Bên cạnh đó, tác giả cũng tiến hành quan sát tham dự các hoạt động, đánh bắt hải sản, để kiểm chứng và làm rõ các thông tin phỏng vấn. Cũng cần lưu ý là có những hộ gia đình cư dân tại Cần Giờ có sinh kế đa dạng và mang tính chất kết hợp để tận dụng triệt để nguồn lợi tự nhiên tại đây.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng khai thác thủy sản

Theo số liệu của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2020 (Bảng 2) thì năng lực đánh bắt thủy sản trên biển của ngư dân ở địa phương có 742 tàu cá trong đó 92,7% số tàu có công suất dưới 90CV và 7,3% số tàu có công suất từ 90CV trở lên. Thạnh An là xã có lượng số tàu cá nhiều nhất so với các xã/thị trấn khác của huyện Cần Giờ với 306 tàu, chiếm 41,2% số tàu của huyện, trong đó 93,8% số tàu có công suất dưới 90CV và 6,2% số tàu có công suất từ 90CV trở lên. Tiếp đến xã Long Hòa có 201 tàu, chiếm 27,1% số tàu của huyện, trong đó 95,5% số tàu có công suất dưới 90CV và 4,5% số tàu có công suất từ 90CV trở lên và thị trấn Cần Thạnh có 124 tàu, chiếm 16,7% số tàu của huyện, trong đó 79,8% số tàu có công suất dưới 90CV và 20,2% số tàu có công suất từ 90CV trở lên.

Cũng theo số liệu Bảng 2 cho thấy, sản lượng thủy sản của 3 địa bàn khảo sát (gồm Thị trấn Cần Thạnh, xã Thạnh An và Long Hòa) đạt được trong 6 tháng đầu năm 2020 là 7.805,5 tấn, chiếm tỷ trọng 68,8% (7.805,5/11.348 tấn) so với tổng sản lượng thủy sản 7 xã/thị trấn của huyện Cần Giờ. Trong đó có 122,4 tấn của 20 khẩu đáy sông, 723,2 tấn của 91 tàu cào, te (dưới 90CV), 3545,9 tấn của 487 tàu ghe lưới, rập xếp (dưới 90CV), 1283,9 tấn của 33 ghe lưới (trên 90CV), 838,2 tấn của 20 tàu cào xiêm, te (trên 90CV) và 1292,5 tấn của 839 hộ làm nghề bắt bộ, bắt ốc, nghêu, sò, ... Riêng xã Thạnh An là xã đảo chủ yếu là hoạt động đánh bắt thủy sản trong 6 tháng đầu năm 2020 đạt được là 3.187,1 tấn, chiếm tỷ trọng 28,1% (3.187,1/11.348 tấn) so với tổng sản lượng thủy sản 7 xã/thị trấn của huyện Cần Giờ. Trong đó có 63,2 tấn của 11 khẩu đáy sông,

456,6 tấn của 54 tàu cào, te (dưới 90CV), 1.711 tấn của 233 tàu ghe lưới, rập xếp (dưới 90CV), 797,1 tấn của 19 tàu cào xiêm, te (trên 90CV) và 179,5 tấn của 45 hộ làm nghề bắt bộ, bắt ốc, nghêu, sò,... Nhìn chung, với 92,7% số tàu cá có công suất dưới 90CV của huyện Cần Giờ và 79,7% số tàu cá có công suất dưới 90CV của xã Thạnh An, hoạt động sinh kế hay phương thức mưu sinh của ngư dân ở huyện Cần Giờ và tại xã Thạnh An chủ yếu vẫn là khai thác thủy sản ở vùng biển gần bờ.

Bảng 1. Các phương tiện và sản lượng đánh bắt thủy sản 6 tháng đầu năm 2020

Xã, thị trấn	Tổng sản lượng (tấn)	Tàu cá dưới 90CV						Tàu cá 90CV trở lên				Nghề bắt bộ	
		Đáy sông		Cào, te		Ghe lưới + Rập xếp		Ghe lưới		Cào xiêm, te		Số hộ	Sản lượng (tấn)
		Số khẩu	Sản lượng (tấn)	Số tàu	Sản lượng (tấn)	Số tàu	Sản lượng (tấn)	Số tàu	Sản lượng (tấn)	Số tàu	Sản lượng (tấn)		
Bình Khánh	517,6	41	142,1	3	15,9	27	104,2	-	-	-	-	120	255,5
Tam Thôn Hiệp	513,8	7	21,3	14	71,8	31	118,4	-	-	-	-	145	302,3
An Thới Đông	2.334,3	162	566,7	4	20,1	24	91,7	-	-	1	40,5	380	1.615,3
Lý Nhơn	176,8	31	103,5	-	-	7	25,3	-	-	-	-	232	48
Long Hòa	2.568,2	7	47,5	15	121,8	177	1.282	8	320,1	1	41,1	344	756
Thạnh An	3.187,1	11	63,2	54	436,6	233	1.711	-	-	19	797,1	45	179,5
Cần Thạnh	2.050,2	2	11,7	22	164,8	77	552,9	25	963,8	-	-	450	357
Tổng cộng	11.348	261	955,9	112	830,9	576	3.885	33	1.284	21	878,7	1.716	3.513,6

Nguồn: Số liệu thống kê Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cần Giờ, 6/2020.

Theo số liệu báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 của UBND huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, ngư dân ở địa phương có 683 tàu cá, trong đó 14 phương tiện đánh bắt vùng khơi, chiếm 2% tổng phương tiện đánh bắt và 669 phương tiện đánh bắt vùng lộng và ven bờ, chiếm 98%. Sản lượng khai thác đạt 16.703 tấn hải sản. Các phương tiện khai thác vùng biển xa bờ như cào xiêm, ghe lưới đạt 6,6 tấn/phương tiện/tháng, đạt mức thu nhập 21,5-22,5 triệu/phương tiện/tháng; các phương tiện đánh bắt ven bờ như cào te, ghe lưới đạt mức thu nhập 6,6 - 7,6 triệu/phương tiện/tháng.

Bảng 2. Tổng số phương tiện đánh bắt, sản lượng thu nhập hàng năm

Năm	2022	2023	2024
Tổng phương tiện đánh bắt	882	682	683
Tổng sản lượng khai thác (tấn/năm)	21.313	17.320	16.703
Phương tiện đánh bắt vùng lộng, ven bờ	868	668	669
Tổng sản lượng khai thác (tấn)	19.956	16.256	15.594,2
Thu nhập (triệu/phương tiện/năm)	82-94	81,6-93,6	79,2-91,2

Phương tiện đánh bắt vùng khơi	14	14	14
Tổng sản lượng khai thác (tấn)	1.357	1.064	1.108,8
Thu nhập (triệu/phương tiện/năm)	243-270	228-260,4	258-270

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo kinh tế xã hội từ năm 2022-2024 của huyện
Cần Giờ*

Theo số liệu từ báo cáo kinh tế - xã hội từ năm 2022-2024 của UBND huyện Cần Giờ phương tiện đánh bắt và sản lượng khai thác giảm xuống, nhất là trong năm 2023 đánh bắt khó khăn nên phương tiện đánh bắt ven bờ giảm xuống rất mạnh. Mặc dù chi phí sản xuất thấp, nhưng sản lượng đánh bắt đạt mức thấp hơn năm trước. Trong năm 2022 thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/HU ngày 26/7/2022 của Huyện ủy về phát triển thủy sản trên địa bàn huyện và Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030 và tầm nhìn 2045, địa phương đã tổ chức cơ cấu lại các phương tiện đánh bắt, vận động ngư dân nâng cấp phương tiện đánh bắt, hướng dẫn lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho khai thác ngoài khơi. Đến năm 2023 toàn huyện có 682 phương tiện đánh bắt, giảm 308 phương tiện đánh bắt so với năm 2020 do đánh bắt ngày càng khó khăn chủ phương tiện chuyển nhượng giải bản phương tiện, chuyển đổi nghề nghiệp (Nghị quyết số 18-NQ/HU). Bên cạnh đó huyện tập trung tuyên truyền đến người dân các qui định chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, kịp thời thông tin diễn biến thời tiết đến chủ phương tiện khai thác.

Theo số liệu khảo sát tháng 8/2023, trong 200 hộ gia đình khảo sát có thì có 179 hộ chiếm 89,5% hộ gia đình có phương tiện đánh bắt (ghe/tàu) trên biển, trong đó có 174 hộ, chiếm 97,2% tổng số hộ có tàu cá của gia đình và 2,8% hộ có tàu cá hùn vốn với hộ/người khác. 72,2% số hộ có tàu cá chủ yếu sử dụng lao động đánh bắt của gia đình, 22,5% số hộ thuê mướn từ 1 đến 3 lao động và 5,3% số hộ thuê mướn từ 4 đến 6 lao động. Số liệu trên cho thấy, hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân ở huyện Cần Giờ hiện nay có quy mô kinh tế hộ gia đình là chính.

Kết quả cuộc khảo sát (tháng 8/2023) về trình độ học vấn của các thành viên trong gia đình từ 7 tuổi trở lên, cho thấy có 65,3% người có trình độ học vấn từ tiểu học đến trung học cơ sở; 14,7% người có trình độ trung học phổ thông, 7,3% người mù chữ, 9,1% người biết đọc biết viết và chỉ có 3,7% người có trình độ trung cấp trở lên. Vì thế, việc áp dụng các kỹ thuật đánh bắt hiện đại với các phương thức đánh bắt xa bờ hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập. Trong khi đánh bắt thủy sản gần bờ với các loại ngư cụ không phù hợp đã góp phần làm cạn kiệt các nguồn lợi thủy sản, dẫn đến suy thoái sự đa dạng sinh học trên vùng biển gần bờ của Cần Giờ.

Khai thác thủy sản của ngư dân Cần Giờ nhìn chung khá đa dạng các loại hình (hay hình thức) đánh bắt và nuôi trồng thủy sản như: cào đoi, cào đơn xa bờ, cào gần bờ, cào xiêm, cào ngày, lưới kéo, rập, xếp, bung, thu lượm nghêu, sò... bằng tay trên đầm lầy, bãi

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Cá chếc		→										
Cá sóc												
Cá chìa vôi												
Cá đù	→											
Cá lưởi trâu	→											
Cá đục	→											
Cá đuối		→										
Cá chẻm	→					→						
Cá đối							→					
Cá khoai	→					→						
Cá nâu									→			
Cá ngát	→											
Các loại nghêu, sò, ốc	→											
Cá chim									→			

Nguồn: Tổng hợp từ ý kiến của ngư dân huyện Cần Giờ (tháng 8/2023).

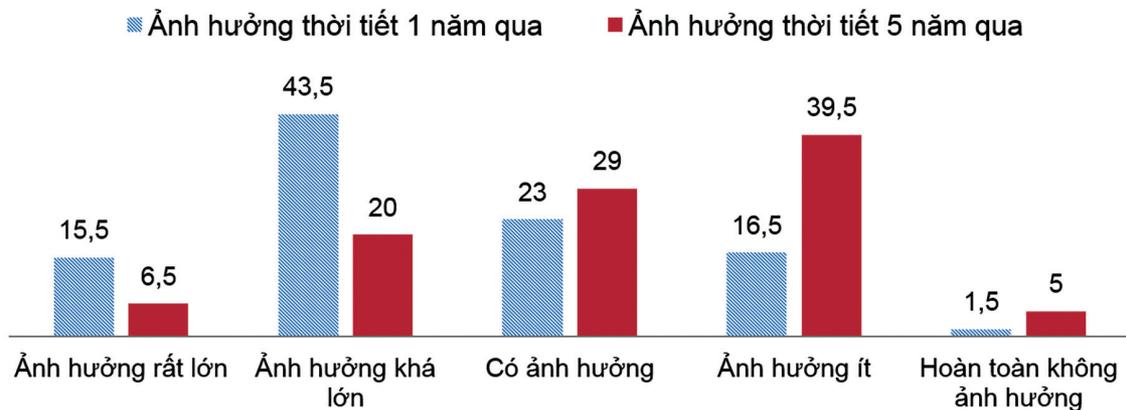
Hoạt động khai thác thủy sản gần bờ và xa bờ trên vùng biển Cần Giờ lâu nay phụ thuộc nhiều vào sự thay đổi của chế độ thủy triều, gió mùa, mưa bão, dòng chảy, mực nước biển dâng, nhiệt độ tăng... Các yếu tố này có tác động, ảnh hưởng đến số lượng các loại thủy sản có nhiều hay ít, sản lượng thủy sản cao hay thấp và thời gian khai thác đối với mỗi loại thủy sản dài ngày hay ngắn ngày theo mùa hoặc quanh năm. Khi được hỏi mùa vụ khai thác các loại thủy sản ở vùng biển Cần Giờ hiện nay như thế nào, ngư dân huyện này cho biết: đánh bắt tôm, cua, mực, cá đù, cá lưởi trâu và thu lượm các loại nghêu, sò, ốc... diễn ra gần như thường xuyên quanh năm. Còn đánh bắt cá đục (từ tháng 1 đến tháng 3), cá đuối (từ tháng 3 đến tháng 6), cá chẻm (từ tháng 1 đến tháng 3 và từ tháng 7 đến tháng 12), cá đối (từ tháng 10 đến tháng 12), cá khoai (từ tháng 1 đến tháng 3) và từ tháng 7 đến tháng 12), cá nâu (từ tháng 10 đến tháng 12), cá ngát (từ tháng 1 đến tháng 9) và cá chim (từ tháng 10 đến tháng 12) diễn ra vào những tháng nhất định trong năm (Bảng 3). Nhìn chung, những loại thủy sản có giá trị kinh tế cao như tôm, cua, ghẹ... được khai thác quanh năm nhưng sản lượng nhiều hay ít tùy thuộc vào sự thay đổi của thời tiết và môi trường biển theo mùa và hàng năm.

Chính vì vậy, khi được hỏi thời tiết có ảnh hưởng như thế nào đến khai thác thủy sản của hộ gia đình trong 5 năm và 1 năm qua với các cấp độ ảnh hưởng từ 0 đến 4: (0) hoàn toàn không ảnh hưởng, (1) ảnh hưởng ít (2) có ảnh hưởng, (3) ảnh hưởng khá lớn và (4) ảnh hưởng rất lớn, kết quả ghi nhận, chỉ có 5% (10/200 hộ) và 1,5% (3/200 hộ) hộ gia đình ngư dân cho rằng thời tiết *hoàn toàn không ảnh hưởng* đến việc khai thác thủy sản trong 5 năm trước và 1 năm qua. Trong khi số hộ cho rằng thời tiết *ảnh hưởng ít* và *có*

ảnh hưởng đến khai thác thủy sản của họ trong 5 năm và 1 năm qua có tỷ lệ giảm xuống rõ rệt (39,5% so với 16,5% và 29% so với 23%), đặc biệt số hộ cho rằng thời tiết ảnh hưởng ít có tỷ lệ giảm mạnh từ 39,5% trong 5 năm qua, chỉ còn 16,5% trong 1 năm qua.

Ngược lại, số hộ gia đình ngư dân cho rằng thời tiết ảnh hưởng khá lớn và ảnh hưởng rất lớn đến khai thác thủy sản của họ trong 5 năm và 1 năm qua có tỷ lệ tăng lên cao rõ rệt: thời tiết ảnh hưởng khá lớn từ 20% trong 5 năm qua, tăng lên 43,5% trong 1 năm qua và thời tiết ảnh hưởng rất lớn từ 6,5% trong 5 năm qua, tăng lên 15,5% trong 1 năm qua. Theo ý kiến của ngư dân Cần Giờ, so với 5 năm qua, thời tiết trên vùng biển ở đây trong 1 năm qua diễn biến ngày càng cực đoan, gây ra không ít khó khăn cho việc khai thác thủy sản để bảo đảm nguồn sinh kế chính yếu của hộ gia đình.

Biểu đồ 2. Tỷ lệ (%) ý kiến hộ cho rằng ảnh hưởng của thời tiết đến khai thác thủy sản trong 5 năm và 1 năm qua

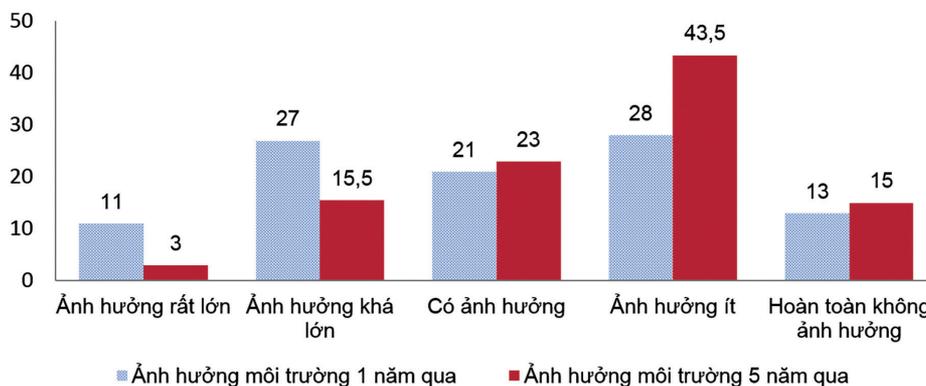


Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát tháng 8/2023.

Tương tự, khi được hỏi môi trường có ảnh hưởng như thế nào đến khai thác thủy sản của hộ gia đình trong 5 năm và 1 năm qua thì hộ gia đình ngư dân huyện Cần Giờ cho rằng môi trường hoàn toàn không ảnh hưởng đến khai thác thủy sản của họ có tỷ lệ từ 15% trong 5 năm qua, giảm xuống 13% trong 1 năm qua. Trong khi đó, số hộ cho rằng môi trường ảnh hưởng ít và ảnh hưởng khá lớn đến khai thác thủy sản của họ trong 5 năm và 1 năm qua có tỷ lệ giảm hơn (43,5% so với 28% và 23% so với 21%) và môi trường ảnh hưởng ít đã giảm mạnh từ 43,5% trong 5 năm qua xuống còn 28% trong 1 năm qua.

Ngược lại, số hộ ngư dân huyện Cần Giờ cho rằng môi trường có ảnh hưởng và ảnh hưởng rất lớn đến khai thác thủy sản của họ trong 5 năm và 1 năm qua có tỷ lệ tăng cao hơn (15,5% so với 27% và 3% so với 11%), đặc biệt là môi trường ảnh hưởng rất lớn có tỷ lệ tăng mạnh từ 3% trong 5 năm qua, tăng lên 11% trong 1 năm qua. Điều này cho thấy, ngư dân địa phương đang phải đối diện với những thách thức môi trường và sự suy giảm nguồn lợi thủy sản ở vùng biển ven bờ của huyện này.

Biểu đồ 3. Tỷ lệ (%) ý kiến hộ cho rằng ảnh hưởng của môi trường đến khai thác thủy sản trong 5 năm và 1 năm qua



Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát tháng 8/2023.

Có thể nói, ngoài việc khai thác thủy sản quá mức, thời tiết diễn biến phức tạp và môi trường biển bị ô nhiễm có tác động tiêu cực, làm suy giảm sự đa dạng sinh học và các loài thủy sản trong vùng biển Cần Giờ. Một ngư dân (nam, 60 tuổi) cho biết: “*Có một số loài cá như cá đờng, cá chìa vôi và cá úc ngày nay không còn nữa, còn số lượng cá chẻm, tôm tít giảm nhiều so với trước đây*”. Một ngư dân khác (nam, 50 tuổi) cho rằng: “*Một số loài cá mất đi do đánh bắt quá nhiều, nhất là đánh bắt bằng xép thì nhiều loại cá con cũng không thể thoát ra được. Mặt khác, do nắng mưa, nhiệt độ không ổn định, môi trường thay đổi, nguồn thức ăn ở vùng biển này không còn nữa, cá di chuyển đi tìm nơi khác sinh sống*”.

Sự sụt giảm và mất dần các loài thủy sản tại địa phương, theo ý kiến của hộ gia đình ngư dân (theo số liệu khảo sát người dân) là do nguồn tài nguyên cạn kiệt (34,3%). Đây cũng là vấn đề chung của ngành ngư nghiệp cả nước khi mà tài nguyên cạn kiệt là hệ quả của nhiều yếu tố tác động như: sử dụng ngư cụ mang tính tận diệt (23,9%), ô nhiễm môi trường biển gia tăng (15,5%), thời tiết thất thường, ghe nhỏ, cũ (4,2%), thiếu vốn (9,5%), chi phí đầu vào cao (6,5%), thiếu dụng cụ - phương tiện đánh bắt (6,9%). Đây là những yếu tố cản trở đối với việc đầu tư các phương tiện đánh bắt có công suất cao, đầu tư các ngư cụ cũng như các trang thiết bị, thuê mướn nhân lực phục vụ cho việc đánh bắt hiệu quả.

“*Sản lượng đánh bắt ngày nay giảm đi rất nhiều, đối với những hộ có ghe/tàu đánh bắt gần bờ, có khi sáng đi tối về không đủ chi phí tiền xăng. Đối với ghe/ tàu có công suất lớn cần bạn đi cùng nhiều khi đánh bắt không đủ chi phí nên những người đi bạn không đi nữa và họ chuyển sang làm việc khác, nên chủ ghe thiếu bạn đi cùng cũng nằm bờ*” (PVS ông NVT, 50 tuổi, xã Thạnh An)

“*Đánh bắt thủy sản hiện nay rất khó khăn do nguồn lợi thủy sản gần bờ hầu như cạn kiệt, số lượng người đánh bắt tăng do từ những nơi khác tới, sản lượng đánh bắt ngày*

càng ít, chi phí đầu vào tăng cao” (Ông TTD, 55 tuổi, Thị trấn Cần Thạnh).

3.3. Phân tích SWOT

Trên cơ sở khảo sát, điều tra hộ gia đình, các cuộc tham vấn với hộ gia đình cũng như cán bộ quản lý ở địa phương, đánh giá thực trạng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, đánh giá ảnh hưởng của thời tiết và môi trường đến khai thác thủy sản của hộ gia đình ngư dân huyện Cần Giờ, bài viết này bước đầu phân tích điểm mạnh (S), điểm yếu (W), cơ hội (O) và thách thức (T) đối với nghề biển khai thác thủy sản của hộ gia đình ngư dân ở xã này dưới góc nhìn so sánh những điểm mạnh/điểm yếu, cơ hội/thách thức, điểm mạnh và cơ hội, điểm yếu và thách thức được phân tích ở Bảng 4.

Bảng 4. Phân tích SWOT về khai thác thủy sản ở Cần Giờ

<p>Điểm mạnh (Strengths)</p> <p>S1: Kinh nghiệm khai thác lâu năm; S2: Nghề có ngư trường truyền thống; S3: Đã có hệ thống quy định và quản lý; S4: Ngư dân tham gia có kinh nghiệm khai thác đánh bắt S5: Ngư dân quan tâm đến các hình thức để phát triển nguồn lợi thủy sản; S6: Ngư dân có ý thức và giới hạn một số ngư cụ khai thác hủy diệt (rập, te). S7: Lực lượng lao động tại địa phương dồi dào</p>	<p>Điểm yếu (Weaknesses)</p> <p>W1: Thiếu vốn đầu tư trang thiết bị khai thác. W2: Nghề lưới cào xiêm và cào gần bờ ảnh hưởng nhiều đến nguồn lợi. W3: Tập quán khai thác gần bờ. W4: Đời sống kinh tế của ngư dân còn khó khăn. W5: Ngư cụ khai thác thô sơ, nặng nhọc, đánh bắt không có chọn lọc. W6: Khai thác cá tạp đang phổ biến. W7: Ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản chưa cao. W8: Hoạt động khai thác thủy sản quanh năm. W9: Trình độ học vấn còn thấp, hạn chế tiếp thu áp dụng các khoa học kỹ thuật vào việc đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.</p>
<p>Cơ hội (Opportunities)</p> <p>O1: Đã có chính sách hỗ trợ khai thác xa bờ. O2: Nhiều cơ hội hợp tác trong và ngoài nước trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản (các chương trình nghiên cứu đã triển khai). O3: Điều kiện tự nhiên ưu đãi, thuận lợi. O4: Mở rộng các ngành nghề làm dịch vụ, du lịch biển, kinh tế hàng hải, nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản chất lượng cao khi khu đô thị mới hình thành, giảm áp lực lên nghề biển.</p>	<p>Thách thức (Threats)</p> <p>T1: Nguồn lợi thủy sản đã và đang suy giảm nhanh chóng, ngư trường lại bị khai thác quá mức. T2: Ô nhiễm môi trường. T3: Thời tiết, khí hậu không thuận lợi. T4: Chưa kiểm soát được triệt để ngư cụ khai thác. T5: Dự án đầu tư mở rộng Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ, và qui hoạch xây dựng khu bến cảng trung chuyển Quốc tế Cần Giờ thu hẹp ngư trường đánh bắt truyền thống của ngư dân.</p>

<p>Điểm mạnh (S) và Cơ hội (O)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kêu gọi phát triển đầu tư và hợp tác trong lĩnh vực nguồn lợi thủy sản; - Triển khai thực hiện tốt hệ thống các quy định trong quản lý nghề cá; - Thực hiện xây dựng các giải pháp/mô hình bảo vệ nguồn lợi; - Xây dựng mô hình, hỗ trợ cho ngư dân tham gia đồng quản lý. 	<p>Điểm mạnh (S) và Thách thức (T)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường lực lượng thanh tra, kiểm tra; - Giới hạn ngư cụ khai thác bằng cách các loại ngư cụ đánh bắt theo mùa; - Cơ cấu lại đội tàu khai thác thủy sản; - Giảm cường độ khai thác, quản lý tốt ngư trường khai thác; - Tăng cường hình thức khai thác theo tổ, đội; - Tăng cường quản lý chất thải ra môi trường khi có khu đô thị mới.
<p>Điểm yếu (W) và Cơ hội (O)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật, hỗ trợ vốn cho phát triển khai thác xa bờ; - Đầu tư chuyển đổi nghề; - Cải tiến ngư cụ và kỹ thuật khai thác; - Kết hợp và phát triển nuôi trồng thủy sản để giảm áp lực khai thác; - Kết hợp khai thác, nuôi trồng thủy sản, kết hợp làm dịch vụ du lịch; - Tập huấn cho người dân về các khóa học ngắn hạn như cách làm kinh doanh, dịch vụ du lịch. 	<p>Điểm yếu (W) và Thách thức (T)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý hoạt động khai thác các loại thủy sản theo mùa vụ; - Quy định cụ thể mùa vụ khai thác; - Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng; - Chuyển đổi một số loại nghề khai thác sang khai thác xa bờ; - Kết hợp với cơ quan quản lý môi trường xử lý nghiêm việc xả thải ra môi trường; - Tăng cường xử lý các hành vi vi phạm quy định nghề cá; - Hỗ trợ, chuyển đổi nghề nghiệp cho một số ngư dân khi ngư trường đánh bắt thu hẹp do xây dựng khu đô thị mới lấn biển như chuyển sang làm dịch vụ du lịch; - Có những khóa huấn luyện, tập huấn nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật để áp dụng trong đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

4. Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong việc khai thác thủy sản trong thời gian tới

Từ những đánh giá trên cho thấy hiện nay biến đổi khí hậu ảnh hưởng rất lớn tới các hoạt động khai thác thủy sản (KTTS) ngư dân huyện Cần giờ. Người dân nhận thức được việc tác động của biến đổi khí hậu đến việc hoạt động khai thác thủy sản ngày càng khó khăn hơn như giảm sản lượng, một số loài mất đi. Vì vậy cần có giải pháp thích ứng để ứng phó phù hợp trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay để đảm bảo nguồn sinh kế cho người dân hiện nay và trong tương lai.

Kiểm soát đầu vào - đầu ra: Luật Thủy sản 2017 đã quy định về giấy phép và hạn

ngạch giấy phép khai thác thủy sản, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Việt Nam áp dụng các biện pháp kiểm soát đầu vào và đầu ra. Tuy nhiên, Luật quy định tàu có kích thước dài nhất từ 6 m trở lên mới cần có giấy phép hạn ngạch khai thác thủy sản. Còn những tàu chiều dài dưới 6m chủ yếu hoạt động khai thác ven bờ chưa cho qui định cấp phép và hạn ngạch khai thác nên vẫn được tự do tiếp cận các vùng khai thác, số lượng, chủng loại hải sản. Vì vậy các cấp từ Trung ương đến địa phương cần có qui định áp dụng hạn ngạch cho từng loại tàu dưới 6m khai thác ven bờ.

Kiểm soát kỹ thuật bao gồm thời gian khai thác, loài được khai thác, kích thước từng loại cá và qui định ngư cụ đánh bắt: Trên cơ sở dữ liệu điều tra, các kết quả nghiên cứu khoa học về thủy sản như thời gian sinh sản, trọng lượng tối đa của từng loài... từ đó đưa ra những hạn chế thời gian và không gian đánh bắt từng loại cá.

Lồng ghép, tích hợp ứng phó BĐKH trong KTTS vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội: Việc cạnh tranh khai thác, đánh bắt, các loại thủy sản đánh bắt không theo một qui định nào có thể gây tác động theo chiều hướng tiêu cực. Cần có chiến lược quản lý tích hợp, áp dụng đồng thời nhiều biện pháp khác nhau, nhiều công cụ khác nhau, bao gồm cả lồng ghép, tích hợp ứng phó BĐKH vào kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng ven biển có ngư dân đánh bắt, địa phương, vùng và cần tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, đẩy mạnh tuyên truyền về bảo vệ và tái tạo nguồn lợi tự nhiên. Thiết lập các khu vực bảo tồn các loài thủy sản bản địa, các loài nguy cấp hoặc có nguy cơ nguy cấp ở mỗi vùng sinh thái.

Tăng cường hợp tác quốc tế, trong nước trong lĩnh vực khai thác thủy sản và biến đổi khí hậu: Hiện nay chúng ta cần tăng cường hợp tác quốc tế để hỗ trợ trong nghiên cứu về sinh thái biển và đánh giá trữ lượng, sản lượng thủy sản, các tác động của BĐKH đến trữ lượng, sản lượng và phân bố thủy sản ở vùng biển nước ta. Cần tăng cường tham gia hợp tác, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm ở các diễn đàn quốc tế về ứng phó BĐKH, tăng cường hợp tác quốc tế để nhận được nhiều hơn nữa sự hỗ trợ về nghiên cứu, công nghệ, và xây dựng chính sách thích ứng BĐKH. Cần có sự phối hợp, liên kết, tham gia quản lý hay đồng quản lý tài nguyên thủy sản giữa cộng đồng (ngư dân), chính quyền, các tổ chức phi chính phủ, viện, trường và các bên tham gia... nhằm chia sẻ quyền hạn và trách nhiệm đối với việc quản lý tài nguyên ở địa phương.

Thích ứng BĐKH, trao quyền sử dụng mặt nước để KTTS cho ngư dân: Chiến lược khai thác để có hiệu quả kinh tế nhất trong dài hạn nếu được giao quyền sử dụng, quản lý vùng biển mà ngư dân thường khai thác trong thời gian dài hạn với yêu cầu bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên. Áp dụng đồng quản lý và quản lý dựa trên cộng đồng; Giao quyền sử dụng mặt nước có thể chuyển nhượng để khai thác thủy sản dài hạn; Phát triển sinh kế thay thế cho ngư dân nghèo, đặc biệt là các sinh kế có liên quan thủy sản như nuôi thủy sản biển, chế biến thủy sản; trồng rừng ngập mặn để phát triển du lịch sinh thái.

Tăng cường năng lực thích ứng BĐKH cho ngư dân: Trong điều kiện sản lượng khai thác thủy sản, trữ lượng nguồn lợi thủy sản giảm xuống và biến động thường xuyên, trong khi đó thời tiết biến động mạnh, ngày càng xảy ra hiện tượng thời tiết cực đoan, cần có những cơ chế để nâng cao khả năng thích ứng của ngư dân, như tăng cường cải tiến kỹ thuật công nghệ KTTS; chú trọng đầu tư công cụ, phương tiện đánh bắt, phát triển các hoạt động dịch vụ, hậu cần để tăng chất lượng thủy sản đánh bắt để bù đắp cho sự giảm sút về sản lượng. Bên cạnh đó, ngư dân cần tiếp thu các kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm ứng phó BĐKH của thế giới, kết hợp với kinh nghiệm truyền thống và tri thức bản địa trong ứng phó thiên tai. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trong cộng đồng nhằm quản lý, bảo vệ, khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản một cách hiệu quả; Đặc biệt nhất là phải đào tạo nâng cao trình độ hiểu biết về pháp luật và kỹ thuật cho ngư dân, xây dựng các dự án giúp ngư dân chuyển đổi nghề khi nguồn lợi thủy sản tự nhiên suy giảm ở địa phương.

Chuyển đổi cơ cấu sản xuất thủy sản, phát triển sinh kế thay thế: Các giải pháp hiện nay giảm áp lực lên nguồn thủy sản ven bờ là giảm số tàu KTTS công suất nhỏ mà không chú trọng tạo sinh kế thay thế cho ngư dân để dẫn đến thất bại, vì đó là nguồn tạo thu nhập duy nhất cho gia đình. Để có thể bù đắp lượng thủy sản khai thác bị thiếu hụt do tác động của BĐKH, giảm áp lực công ăn việc làm trong hoạt động KTTS, người dân, chính quyền địa phương cần chú trọng tăng cường đa dạng nguồn sinh kế, giảm sự phụ thuộc vào khai thác thủy sản bằng cách phát triển các sinh kế gắn với nuôi trồng thủy sản và chế biến thủy sản, dịch vụ trong hoạt động khai thác, nuôi trồng chế biến thủy sản. Đối với hộ dân có diện tích, mặt nước nuôi trồng thủy sản nên chủ động chuyển đổi từ KTTS sang nuôi trồng thủy sản hoặc kết hợp giữa nuôi trồng và khai thác thủy sản.

5. Kết luận

Ngư dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh lâu nay sống với biển và dựa vào biển để tiến hành các hoạt động mưu sinh chủ yếu theo phương thức đánh bắt thủy sản ở các ngư trường gần bờ và phần nào đó là xa bờ trên vùng Biển Đông. Ngư dân thiếu phương tiện đánh bắt (tàu cá) xa bờ và sử dụng các loại hình ngư cụ đánh bắt truyền thống là chính.

Với các phương tiện đánh bắt (tàu cá) trên biển có công suất thấp (dưới 90CV), phương thức mưu sinh của ngư dân Cần Giờ lâu nay vẫn là khai thác thủy sản trên vùng biển gần bờ với quy mô kinh tế hộ gia đình. Số hộ nuôi trồng thủy sản (nuôi hào) và khai thác thủy sản gần bờ bằng rập, xếp, bung hiện nay có xu hướng giảm so với trước đây. Số hộ sử dụng các hình thức khai thác thủy sản khác như lưới kéo, cào xiêm, cào ngày, cào gần bờ, cào đơn xa bờ, bắt nghêu, sò... cũng giảm, đánh bắt xa bờ chỉ có cào đơn, không có cào đôi do thiếu vốn đầu tư và nguồn lực lao động đánh bắt có trình độ kỹ thuật cao.

Sự sụt giảm các loài thủy sản và suy thoái sự đa dạng sinh học vùng biển huyện Cần

Giờ do thời tiết thay đổi thất thường và môi trường bị ô nhiễm, nhưng đặc biệt nghiêm trọng hơn là việc khai thác thủy sản quá mức với các loại ngư cụ hủy diệt làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản ở vùng này.

Vi vậy, cần có chính sách khuyến khích hộ gia đình ngư dân ở đây mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản thân thiện với môi trường. Đặc biệt là tập trung đầu tư nâng cấp, đóng mới các loại tàu cá có công suất lớn (trên 90CV) và đào tạo lao động nghề cá đánh bắt xa bờ để chuyển đổi các hình thức sinh kế phù hợp theo quy định chung, nhằm khai thác có hiệu quả cao các nguồn lợi thủy sản và bảo tồn bền vững các nguồn tài nguyên của biển vốn đã bị suy giảm do biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường ở vùng biển này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Huyện ủy Cần Giờ (2022). *Nghị quyết số 18-NQ/HU ngày 26/7/2022 về phát triển thủy sản trên địa bàn huyện và Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030 và tầm nhìn 2045*.
- Nguyễn Tấn Dân, Nguyễn Thị Mộng Lan (2023). *Hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân xã đảo Thạnh An, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh*. Đặc san Khoa học Xã hội Vùng Nam Bộ.
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Cần Giờ (2020). *Số liệu thống kê tháng 6/2020*.
- Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2022). *Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày ngày 26 tháng 9 năm 2022 về định hướng phát triển huyện Cần Giờ đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ (2010). *Quyết định 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa*.
- UBND huyện Cần Giờ (2022). *Báo cáo số 8141/BC-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 về tình hình kinh tế - xã hội năm 2022, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023*.
- UBND huyện Cần Giờ (2023). *Báo cáo số 9324/BC-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 về tình hình kinh tế - xã hội năm 2023, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024*.
- UBND huyện Cần Giờ (2024). *Báo cáo số 9271/BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 về tình hình kinh tế - xã hội năm 2024, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2025*.
- Viện Sinh học nhiệt đới (2023). *Báo cáo tổng hợp Nghiên cứu đánh giá hiện trạng, đề xuất giải pháp quản lý nguồn lợi thủy sản và xây dựng mô hình đồng quản lý nghề cá ven bờ huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh*.

